

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

LÊ THANH HUYỀN

**TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ
ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 9 14 01 14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2023

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trịnh Văn Minh**
 PGS.TS. Nguyễn Thị Hương

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ họp tại
Trường Đại học Giáo dục, năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện , Đại học Quốc gia Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử giáo dục Việt Nam kể từ năm 1945 đến nay trải qua 3 cuộc đổi mới giáo dục lớn:

- **Từ năm 1945:** Đổi mới tính chất Chính trị của Giáo dục với yêu cầu thực hiện chiến dịch chống nạn mù chữ gắn với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, giáo dục quốc phòng.
- **Từ năm 1986:** Đổi mới tính chất kinh tế của Giáo dục. Trong thời kỳ này, hệ thống Trường ngoài công lập được ra đời, tạo tiền đề phát triển hệ thống tư thục có yếu tố nước ngoài về sau.
- **Từ năm 2013:** Đổi mới tính chất văn hóa của Giáo dục. Cuộc đổi mới giáo dục lần này được định danh: **“Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục”**.

Song hành cùng với mỗi lần đổi mới giáo dục là những chính sách, cơ chế mới được triển khai để thực hiện mục tiêu đặt ra. Trong giáo dục, học phí là một vấn đề quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu về chính sách học phí trong giáo dục nói chung và đặc biệt là đào tạo cử nhân sư phạm nói riêng. Chính vì vậy, cần có những nghiên cứu, đánh giá về các chính sách hiện hành nói chung để từ đó có những đề xuất, điều chỉnh các chính sách để triển khai vào thực tế có hiệu quả.

Với những lý do trên, tác giả chọn vấn đề: **“Tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm”** để nghiên cứu trong khuôn khổ luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý Giáo dục.

2. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá tác động của các chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm nhằm nhận diện những điểm tích cực, tiêu cực, những kết quả ngoài dự tính của các chính sách, từ đó đưa ra các khuyến nghị để điều chỉnh, sửa đổi các chính sách học phí nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Chính sách học phí áp dụng trong lĩnh vực đào tạo cử nhân sư phạm.

Đối tượng nghiên cứu: Đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Các chính sách (miễn/hỗ trợ) học phí của Nhà nước đối với cử nhân sư phạm đã có ảnh hưởng tích cực, tiêu cực nào đối với hoạt động quản lý đào tạo cử nhân sư phạm ở Việt Nam hiện nay?

5. Giả thuyết khoa học

Chính sách học phí trong đào tạo cử nhân sư phạm tại Việt Nam đã được thực thi có hiệu quả trong hơn 20 năm. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới giáo dục, tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm không còn như kỳ vọng.

Đánh giá tác động chính sách học phí trong đào tạo cử nhân sư phạm là điều cần thiết để đưa ra những khuyến nghị trong việc điều chỉnh và triển khai các chính sách học phí cho đối tượng cử nhân sư phạm trong thời gian tiếp theo.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tác động chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.

Phân tích chính sách học phí và xây dựng thang đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.

Phân tích tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm và đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân sư phạm, đáp ứng yêu cầu xã hội.

7. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Chính sách học phí ở đây được hiểu trong luận án này là chính sách miễn và hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí cho cử nhân sư phạm. Nghiên cứu tiến hành đánh giá tác động của chính sách miễn học phí và tìm hiểu bước đầu về nhận thức của sinh viên sư phạm sau khi triển khai chính sách hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí.

Cơ sở dữ liệu là các văn bản liên quan đến chính sách từ năm 1998 đến nay và các dữ liệu tác giả tiến hành thu thập từ năm 2020 - nay. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập trong các cơ sở đại học thực hiện nhiệm vụ đào tạo cử nhân sư phạm trên cả nước. Nội dung nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá tác động của chính sách học phí (miễn/hỗ trợ) đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.

8. Những luận điểm bảo vệ

Các chính sách học phí được xây dựng gắn liền với bối cảnh, đặc trưng của thời cuộc, mang dấu ấn của những định hướng, ưu tiên có tính trước mắt và lâu dài;

Thực tiễn giáo dục Việt Nam từ nhiều thập niên luôn luôn có sự thay đổi, phụ thuộc vào các chính sách kinh tế - xã hội của đất nước;

Đào tạo giáo viên không nằm ngoài chính sách giáo dục quốc gia, do vậy chịu tác động trực tiếp từ những chính sách đã được xây dựng qua nhiều thời kì lịch sử;

Hiện nay nhiều tác động đã trở thành tiêu cực, nếu không có sự thích nghi cần thiết và kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tương lai theo mô hình kinh tế - xã hội mới.

9. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

9.1. Phương pháp luận: *Tiếp cận logic - lịch sử; Tiếp cận hệ thống; Tiếp cận liên ngành.*

9.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận.

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Nhóm này gồm các phương pháp: Quan sát, khảo sát thực tế; Thống kê số liệu; Phân tích thực trạng; Tổng kết kinh nghiệm; Điều tra bằng phiếu hỏi.

9.3. Các phương pháp bổ trợ: Thu thập và xử lý thông tin, định lượng, định tính, thống kê toán học, phần mềm SPSS...

10. Đóng góp mới của luận án

Về mặt lý luận: Hệ thống hóa lý thuyết chính sách, đánh giá tác động chính sách tài chính đến đào tạo cử nhân sư phạm.

Về mặt thực tiễn: Phân tích tác động của chính sách tài chính đến đào tạo cử nhân sư phạm tại Việt Nam trong luận án như một kênh thông tin đối với các nhà hoạch định để góp phần điều chỉnh, đưa ra các chính sách phù hợp với bối cảnh hiện nay.

11. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, phần nội dung khoa học luận án gồm 5 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Chương 2: Cơ sở lý luận

Chương 3: Xây dựng khung đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Chương 4: Kiểm định thang đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Chương 5: Phân tích tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm và khuyến nghị

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

1.1.1. Nghiên cứu về đào tạo cử nhân sư phạm và quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Một số nghiên cứu tiêu biểu về đào tạo giáo viên trung học và trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện bởi các tác giả Vũ Quốc Chung, Cary J. Trexler, và được xuất bản vào năm 2012 tại Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Một bài viết của tác giả Patrick Demougin được trình bày tại Hội thảo Quốc tế năm 2009 với tiêu đề "Cải cách đào tạo giáo viên như một công cụ để đổi mới hệ thống giáo dục". GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc cũng đã công bố một bài báo khoa học năm 2010 về việc xây dựng mô hình và quy trình đào tạo giáo viên chất lượng cao trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu về đào tạo cử nhân sư phạm, chủ yếu tập trung vào các mảng như quản lý đội ngũ, mô hình đào tạo và phát triển chương trình. Vấn đề học phí trong đào tạo cử nhân sư phạm vẫn chưa được nghiên cứu nhiều trong thực tế.

1.1.2. Nghiên cứu về các chính sách học phí trong quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Cuốn sách "Chính sách công của Hoa Kỳ - Giai đoạn 1935 - 2001" của Tiến sĩ Lê Vinh Danh nói về chính sách công của Hoa Kỳ trong nhiều lĩnh vực, nhưng chưa có phân tích chi tiết về chính sách đào tạo giáo viên. Trong bài viết "Toward understanding education policy: An integrative approach" của Sarie J. Berkhout và Willy Wielemans, tác giả trình bày về một mô hình lý thuyết toàn diện của quy trình chính sách giáo dục dựa trên việc so sánh quản lý giáo dục ở các quốc gia khác nhau. Nghiên cứu "Thực trạng tác động và giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục & Đào tạo trên địa bàn Tây Bắc" của nhóm tác giả khảo sát và đánh giá thực trạng triển khai chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo tại 7 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, đồng thời đề xuất 9 giải pháp và khuyến nghị để nâng cao hiệu quả chương trình này.

1.1.3. Nghiên cứu về tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Cuốn sách "Đổi mới chính sách học phí và phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học công lập Việt Nam dựa trên cách tiếp cận hiệu quả tài chính" của nhóm tác giả Phùng Xuân Nhạ và Nguyễn Trường Giang nghiên cứu về chính sách học phí tại các trường đại học công lập Việt Nam. Kết quả nghiên cứu dựa trên mô hình Hedonic chỉ ra rằng chính sách học

phí hiện tại không phù hợp với chất lượng của từng trường và đề xuất cho phép điều chỉnh học phí theo chất lượng. Đề tài "Nghiên cứu đánh giá tác động thực hiện chính sách không thu học phí sinh viên sư phạm và đề xuất chính sách thay thế" cũng chỉ ra nhược điểm của chính sách không thu học phí đối với giáo viên sư phạm, gồm việc giảm sự thu hút học sinh, chất lượng giáo dục không đạt, và sự thiếu hụt giáo viên cục bộ.

Có rất nhiều nghiên cứu về đào tạo cử nhân sư phạm, nhưng hầu hết tập trung vào quản lý đội ngũ, mô hình đào tạo và phát triển chương trình. Vấn đề về học phí chưa được nghiên cứu nhiều, đặc biệt là học phí cho ngành sư phạm. Nghiên cứu về chính sách cũng mới mẻ ở Việt Nam, đặc biệt là chính sách cho giáo viên và đào tạo giáo viên. Nghiên cứu về tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm là một nghiên cứu quan trọng và cần được xem xét từ nhiều khía cạnh.

1.2. Lược sử chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

1.2.1. Các chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

Tác giả nghiên cứu lược sử chính sách học phí cho sinh viên sư phạm trong hai giai đoạn: 1990-1998 và 1999-nay. Trong giai đoạn 1990-1998, có 331 chính sách giáo dục được ban hành, bao gồm quỹ học bổng cho sinh viên sư phạm và hướng dẫn miễn thu học phí cho sinh viên ngành sư phạm. Từ năm 1999, đã có nhiều chính sách mới dựa trên các chính sách trước đó, như Luật giáo dục 2005, Luật giáo dục 2019 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên sư phạm. Nghị định số 116/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cũng quy định về hỗ trợ tiền đóng học phí và giảm học phí cho sinh viên sư phạm.

1.2.2. Lược sử chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

Chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm (không đóng học phí)

Chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm đã được chính thức đưa vào Luật Giáo dục đầu tiên của Việt Nam từ năm 1999. Văn bản số 70/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/03/1998 đã gọi tên chính sách này là miễn học phí cho sinh viên ngành sư phạm. Chính sách này cũng đã được đưa vào Luật Giáo dục ban hành theo văn bản số 11/1998/QH10 ngày 02/12/1998 của Quốc Hội. Ngoài ra, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 cũng quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí từ năm 2015 đến năm học 2020-2021.

Chính sách hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm (NĐ116)

Luật Giáo dục 2019, thông qua ngày 14/06/2019, quy định về chính sách miễn học phí

cho sinh viên sư phạm tại khoản 4, Điều 85. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 để chi tiết hóa việc hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí đào tạo cho sinh viên sư phạm trong 4 chương và 15 điều.

1.3. Bối cảnh quản lý đào tạo cử nhân sư phạm tại Việt Nam

1.3.1. Truyền thống tôn sư trọng đạo

Lịch sử Việt Nam có người thầy và bài giảng từ thời vua Hùng, nhưng sử sách chỉ ghi chép từ thế kỷ 13 trở đi. Quan niệm "tiên vi quan, thối vi sư" thể hiện vai trò quan trọng của người thầy trong xã hội. Từ thế kỷ XIX, giáo dục phương Tây được áp dụng, người thầy có vị trí quan trọng trong cách mạng giải phóng dân tộc. Mặc dù Việt Nam tôn trọng người thầy, nhưng truyền thống này đã thay đổi với sự phát triển và hội nhập quốc tế.

1.3.2. Các giai đoạn phát triển của hệ thống các trường sư phạm (từ 1976 – nay)

Ngành học Sư phạm đã trải qua 4 giai đoạn phát triển trong suốt 75 năm (1946-2021). Giai đoạn đầu tiên từ 1946 đến 1954 tập trung vào hình thành và xây dựng cơ sở đào tạo Sư phạm dân tộc dân chủ và triển khai Cải cách Giáo dục lần thứ nhất. Giai đoạn thứ hai từ 1954 đến 1975 tập trung vào xây dựng và phát triển ngành học Sư phạm ở Miền Bắc và Miền Nam, phục vụ cho Cải cách Giáo dục lần thứ hai và chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh và thống nhất đất nước. Giai đoạn thứ ba từ 1975 đến 1985 tập trung vào xây dựng và phát triển ngành học Sư phạm sau thống nhất đất nước, liên quan đến thời kỳ bao cấp và Cải cách Giáo dục lần thứ ba. Giai đoạn hiện tại từ 1986 trở đi là giai đoạn đổi mới của hệ thống giáo dục và hệ thống Sư phạm, đi đôi với quá trình đổi mới của đất nước.

1.3.3. Nghề giáo viên trong bối cảnh mới

Ngày nay, vị trí của giáo viên trong xã hội không còn như trước, mặc dù Đảng và Nhà nước vẫn tôn vinh nghề dạy học. Tuy nhiên, vai trò của giáo viên vẫn là yếu tố quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, được các nước phát triển trên thế giới đánh giá cao. Với sự bùng nổ của cách mạng công nghệ, giáo viên cần cập nhật và làm chủ công nghệ thông tin để đáp ứng tốt vai trò dạy học. Đồng thời, giáo viên cũng cần sở hữu kỹ năng phát triển chương trình môn học, bài học và kỹ năng đánh giá tiến bộ của học sinh để nâng cao hiệu quả công việc trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Quản lý đào tạo cử nhân

Từ các lý thuyết, có thể hiểu: *Đào tạo cử nhân sư phạm là quá trình được tổ chức, quản lý nhằm thực hiện mục tiêu chuyển giao có hệ thống, có phương pháp những tri thức, kỹ năng, đồng thời bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế để người học đáp ứng đủ điều kiện chuẩn đầu ra và được cấp học vị cử nhân ngành sư phạm. Đào tạo cử nhân sư phạm là giai đoạn đầu của quá trình đào tạo giáo viên.*

Có nhiều khái niệm khác nhau về quản lý đào tạo, nhưng theo tác giả: *Quản lý đào tạo (quản lý hoạt động đào tạo) là quá trình tác động có hướng của các chủ thể quản lý đào tạo ở các cấp khác nhau đến tất cả các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo cũng như quy trình đào tạo nhằm đạt đến mục tiêu đào tạo đã đề ra.*

Mô hình quản lý đào tạo ở các nhà trường được mô tả theo sơ đồ CIPO: *Quản lý xây dựng chương trình và kế hoạch tổ chức đào tạo; Quản lý công tác tuyển sinh; Quản lý hoạt động dạy và học; Quản lý kiểm tra - đánh giá, Quản lý đầu ra*

2.2. Những vấn đề lý luận về chính sách

Tác giả đưa ra định nghĩa về chính sách: *Chính sách là tập hợp các biện pháp được chủ thể quản lý thể chế hóa bằng văn bản pháp quy để giải quyết các vấn đề của hệ thống trong từng giai đoạn. Chính sách tạo ra sự bất bình đẳng, sự phân biệt đối xử khác nhau với các nhóm xã hội khác nhau nhằm kích thích động cơ, định hướng hoạt động của nhóm được ưu đãi, từ đó thực hiện mục tiêu mà chủ thể quản lý mong đợi theo chiến lược phát triển của hệ thống.*

Chu trình chính sách bao gồm các bước: Phân tích vấn đề, soạn thảo chính sách, thông qua chính sách, thực thi chính sách, đánh giá chính sách, điều chỉnh chính sách.

Để đánh giá tác động chính sách, nhà nghiên cứu cần phân tích tác động tích cực, tiêu cực, ngoại biên của các chính sách dựa trên việc phân tích các thành tố: *Mục tiêu của chính sách; Tác nhân của chính sách; Phương tiện của chính sách; Đối tượng của chính sách; Bối cảnh/môi trường của chính sách;*

Tác động của chính sách thể hiện sự hiện thực hóa các mục tiêu của chính sách trong hành vi của con người và nhóm người trong xã hội. Theo Vũ Cao Đàm và cộng sự đưa ra ba loại tác động: *Tác động dương tính, Tác động âm tính, Tác động ngoại biên.* Một chính sách có thể làm xuất hiện một chuỗi tác động kế tiếp, liên tục, bao gồm: tác động trực tiếp, tác động nối tiếp, tác động kế tiếp, tác động gián tiếp,...

Để hiểu rõ được những **tác động, hiệu quả** của chính sách thì việc đánh giá chính sách

là điều cần thiết. Xếp theo mô hình lý tưởng, Jean cho rằng có ba nhóm yếu tố sẽ được xem xét: Đánh giá nhu cầu, đánh giá quá trình, đánh giá tác động. Đánh giá chính sách là công việc thường xuyên của nhà quản lý và là một khâu trong chu trình chính sách.

2.3. Tác động của chính sách sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Quy trình đánh giá chính sách được chia ra làm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: Phân tích chính sách được đánh giá; Giai đoạn 2: Chuẩn bị đánh giá; Giai đoạn 3: Thực hiện đánh giá, phân tích và sử dụng kết quả đánh giá cho vòng lặp của chu trình chính sách.

Vận dụng quy trình đánh giá tác động chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm:

Phân tích chính sách học phí cho cử nhân sư phạm bao gồm: *nguyên cứu bối cảnh ra đời, tác nhân dẫn đến chính sách, mục tiêu của chính sách khi ra đời, đối tượng chính sách, v.v...*

Xây dựng thang đo đánh giá tác động chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm bao gồm: *xác định các nội dung đánh giá, xác định đối tượng đánh giá, xác định mô hình và xây dựng thang đo đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.*

Với nghiên cứu khám phá này, tác giả tiến hành xây dựng và kiểm định thang đo để đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm để xây dựng thang đo của chính sách. Việc phân tích chính sách dựa trên phỏng vấn sâu bán cấu trúc các chuyên gia giáo dục, nhà quản lý các cấp, giảng viên và sinh viên các trường sư phạm để tìm hiểu tác nhân, đối tượng, mục tiêu (bao gồm mục tiêu công khai và mục tiêu ngầm định) và tác động dự kiến của chính sách. Bên cạnh đó, tác giả dựa trên mô hình S-O-R (Stimulus – Organism – Response) được phát triển bởi Mehrabian và Russell 1974 để xây dựng thang đo. Tuy nhiên, khi áp dụng vào trong nghiên cứu này, yếu tố chủ thể được ẩn đi trong bảng thang đo. Để kiểm định thang đo đã xây dựng, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá, nhân tố khẳng định, độ tin cậy của mô hình.

CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG THANG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM

3.1. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Các chính sách tài chính ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo cử nhân sư phạm đã được áp dụng trong thời gian dài và có tính lịch sử. Tác giả chọn phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích chính sách, xây dựng bảng hỏi và thu thập dữ liệu diện rộng. Người tham gia phỏng vấn được chọn dựa trên hiểu biết và trải nghiệm trong đào tạo sư phạm ở các vị trí khác nhau, và họ tình nguyện tham gia nghiên cứu. Có 14 người tham gia phỏng vấn, bao gồm cán bộ quản lý, chuyên gia giáo dục, giảng viên và sinh viên các trường sư phạm. Dữ liệu phỏng vấn được mã hóa và nhóm lại để tìm hiểu mối liên hệ giữa các nhóm dữ liệu. Phần mềm NVIVO 12 được sử dụng để xử lý dữ liệu định tính. Ngoài dữ liệu phỏng vấn, còn có dữ liệu thứ cấp khác liên quan đến chính sách được thu thập và phân tích.

3.2. Phân tích chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

3.2.1. Bối cảnh chính sách

Khi nghiên cứu một số tài liệu thứ cấp là các văn bản của Bộ Giáo dục và đào tạo, thì những “ưu tiên đặc biệt” cho ngành giáo dục đã bắt đầu xuất hiện từ trước đó, vào khoảng những năm 1990. Đây là tiền đề cho chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm được ban hành năm 1998. Giai đoạn từ năm 1986 – 1995 là giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới. Đất nước còn nhiều khó khăn và trải qua những cuộc khủng hoảng, suy thoái về kinh tế. Đời sống của nhân dân còn nghèo. Mặc dù vậy, Nhà nước cũng đã có những chính sách ưu đãi về các chế độ học bổng cho sinh viên. Tại báo cáo của GS.TS. Trần Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ Đại học, THCN và DN ở Hội nghị các trường Đại học và Cao đẳng toàn quốc họp tại Đồ Sơn từ ngày 07/8 – 12/8/1989, việc “*thu hút người giỏi vào ngành sư phạm*” cũng là một mục tiêu của những chính sách ưu đãi ban hành giai đoạn sau.

Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VIII) ngày 24 tháng 12 năm 1996 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 cũng nêu rõ thực trạng giáo dục – đào tạo, trong đó vẫn còn 9% dân số mù chữ, chưa phổ cập được giáo dục tiểu học; một số ngành rất cần thiết cho sự phát triển đất nước lại ít học sinh đăng ký theo học; chưa thực hiện tốt công bằng xã hội trong giáo dục: con em gia đình nghèo gặp khó khăn khi muốn học lên cao (ở các trường đại học tỉ lệ sinh viên là con em nhà nghèo, con em xuất thân công nông, nhất là

nông dân ở vùng cao, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số giảm dần); Đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu, năm học 1995 – 1996 cả nước thiếu gần 120.000 giáo viên phổ thông.

3.2.2. Đối tượng của chính sách học phí

Chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm đã nêu rõ đối tượng trực tiếp của chính sách là nhóm sinh viên sư phạm. Vào giai đoạn ban hành chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm dành cho *“học sinh, sinh viên hệ chính quy tập trung ngành sư phạm khi vào học có cam kết sau khi tốt nghiệp phục vụ trong ngành Giáo dục và đào tạo”*. Tức là đối tượng thụ hưởng trực tiếp cũng có điều kiện ràng buộc kèm theo (*văn bản số 54/1998/TTLT_BGDĐT-TC và văn bản số 66/1998/TTLT-BGDĐT-TC vẫn có hiệu lực đến ngày 19/12/2020*). Dù vậy, tại Luật Giáo dục năm 2005 không xuất hiện điều kiện đi kèm, cụ thể tại Khoản 3, Điều 89, Mục 2 quy định: *“Học sinh, sinh viên sư phạm, người theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này”*.

Khi được phỏng vấn về nhóm đối tượng gián tiếp được thụ hưởng chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm thì người trả lời phỏng vấn cho rằng có một số nhóm đối tượng thụ hưởng gián tiếp chính sách này, cụ thể: Các gia đình có con em học ngành sư phạm, các trường sư phạm. Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận án, tác giả nghiên cứu các tác động đối với nhóm sinh viên thụ hưởng trực tiếp và các trường sư phạm.

3.2.3. Tác nhân của chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

Kết quả thu được gồm 3 tác nhân chính xuất phát từ: phía Nhà nước, phía Xã hội và Ngành Giáo dục và phía đối tượng của chính sách. Trong đó: Tác nhân từ Nhà nước (Chính phủ) là: Quan điểm: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” & “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển”, Đầu tư phát triển “hệ thống máy cái”, Cân bằng cơ cấu đầu tư. Tác nhân từ phía xã hội và ngành giáo dục: Truyền thống hiếu học của dân tộc, Yêu cầu hội nhập. Tác nhân từ đối tượng của chính sách bao gồm: Từ phía người học và Từ phía các trường sư phạm.

3.2.4. Mục tiêu của chính sách học phí cho cử nhân sư phạm

Sau khi đặt câu hỏi về *“Mục tiêu của chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm”* đối với 15 người được phỏng vấn, tác giả tiến hành mã hoá dữ liệu. Trong đó, người phỏng vấn đưa ra 5 mục tiêu: 1) *Thu hút nhiều học sinh thi vào, từ đó lựa chọn được người tài tham gia vào đội ngũ giáo viên*; 2) *Thể hiện sự quan tâm của các nhóm xã hội với việc đào tạo giáo viên*; 3) *Phát triển hệ thống các trường sư phạm*; 4) *Nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ giáo viên*; 5) *Hỗ trợ sinh viên phạm trong quá trình học tập*.

3.3. Khung đánh giá tác động chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

● **Tác nhân dẫn đến chính sách:**

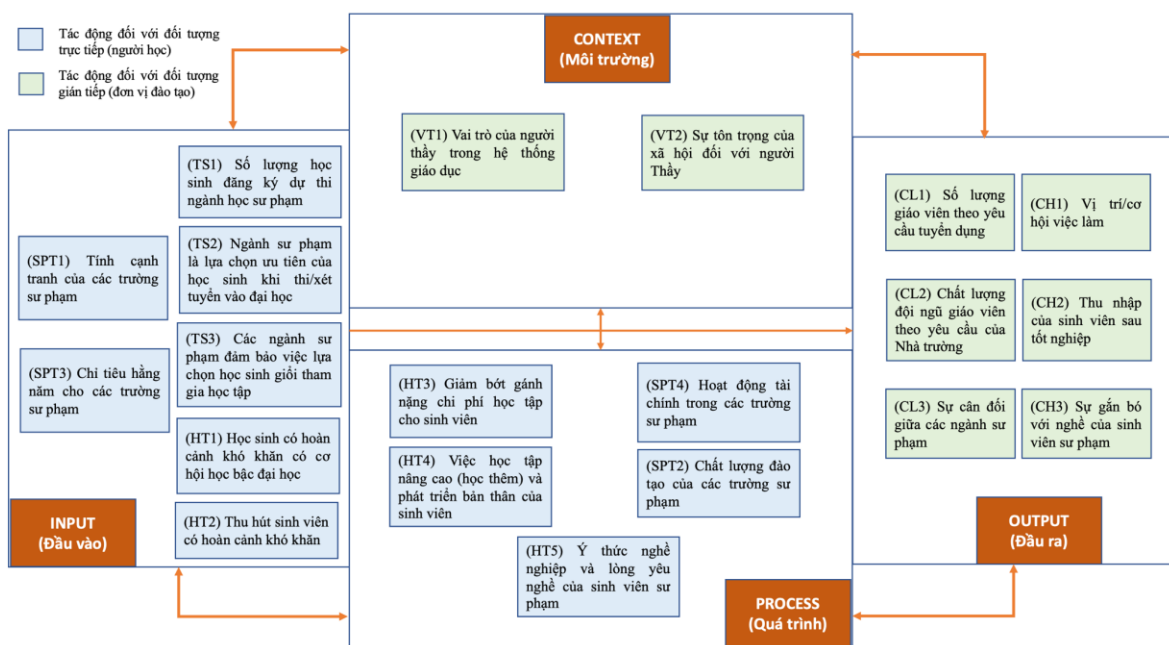
- *Quan điểm đầu tư cho giáo dục của Nhà nước:* Giáo dục là quốc sách hàng đầu; Đầu tư cho giáo dục là đầu tư vào hệ thống “máy cái” là các trường sư phạm; Cơ cấu đầu tư ngân sách giữa các bậc học, ngành học.
- *Áp lực từ phía xã hội:* Truyền thống hiếu học của dân tộc; Yêu cầu hội nhập; Đời sống người dân còn nhiều khó khăn; Yêu cầu đội ngũ giáo viên có trình độ, đảm bảo chất lượng, số lượng.
- *Áp lực từ phía các trường sư phạm:* Số lượng tuyển sinh đầu vào; Chất lượng học sinh tham gia ngành học sư phạm; Chất lượng chuẩn đầu ra sinh viên sư phạm.
- *Áp lực từ phía người học:* Sinh viên sư phạm cần nhiều khoản chi cho việc học đại học; Số tiền miễn học phí là nguồn kinh phí lớn cho sinh viên sư phạm.

● **Tác động trực tiếp:**

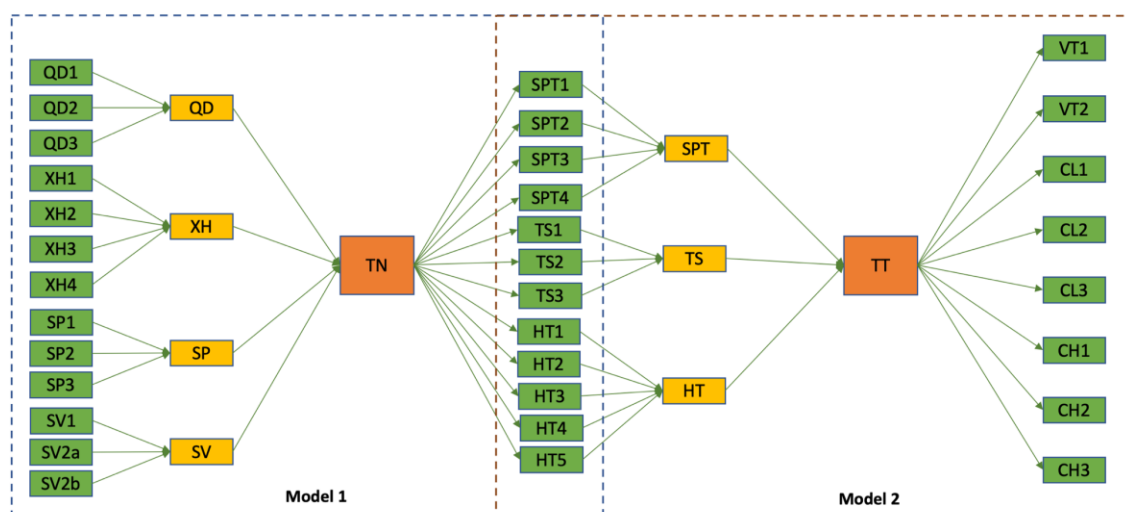
- *Sự phát triển của các trường sư phạm:* Tính cạnh tranh của các trường sư phạm, Chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho các trường sư phạm, Hoạt động tài chính trong các trường sư phạm.
- *Chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm:* Số lượng học sinh đăng ký dự thi ngành học sư phạm; Lựa chọn ưu tiên của học sinh khi thi đại học; Điểm thi tuyển sinh vào các trường sư phạm đảm bảo việc lựa chọn học sinh giỏi tham gia học tập;
- *Động lực học tập của sinh viên:* Cơ hội học bậc đại học của học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Thu hút sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; Giảm bớt gánh nặng chi phí học tập cho sinh viên; học tập nâng cao và phát triển bản thân; Ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề của sinh viên sư phạm.

● **Tác động gián tiếp**

- *Vị thế của người Thầy:* Vai trò của người Thầy trong hệ thống giáo dục; Sự tôn trọng của xã hội đối với người Thầy.
- *Chất lượng đội ngũ giáo viên:* Số lượng giáo viên theo yêu cầu tuyển dụng; Chất lượng của đội ngũ giáo viên theo yêu cầu của Nhà trường và hệ thống giáo dục; Sự cân đối giữa các ngành học sư phạm.
- *Việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp:* Vị trí việc làm; Thu nhập của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp; Sự gắn bó với nghề.



Hình 3.1. Nhận định tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm theo mô hình CIPO



Hình 3.2. Thang đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

CHƯƠNG 4: KIỂM ĐỊNH THANG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM

4.1. Phương pháp, công cụ đánh giá

4.1.1. Phương pháp nghiên cứu

Chương 4 để kiểm định thang đánh giá tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm. Để kiểm định thang đánh giá đã được đề xuất tại chương 3. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp (mixed method approach), kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính ở các bước thu thập và phân tích số liệu.

4.1.2. Công cụ nghiên cứu

Tác giả sử dụng các loại câu hỏi đóng: *Câu hỏi được lập theo thang định danh, câu hỏi được lập theo thang khoảng cách và câu hỏi được lập theo thang Likert 5*. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên các dữ liệu của phần phỏng vấn sâu (chương 3) mà tác giả đã trình bày ở trên. Câu hỏi được viết bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, cung cấp thông tin cho vấn đề cần nghiên cứu. Trong đó: Bảng hỏi dành cho cựu sinh viên bao gồm 119 câu hỏi ở 3 phần: Tác nhân dẫn đến chính sách: 10 nhân tố; Tác động trực tiếp của chính sách: 10 nhân tố, Tác động gián tiếp của chính sách: 8 nhân tố. Bảng hỏi dành cho giảng viên, cán bộ quản lý và chuyên gia giáo dục bao gồm 102 câu hỏi ở 3 phần: Tác nhân dẫn đến chính sách: 10 nhân tố; Tác động trực tiếp của chính sách: 9 nhân tố; Tác động gián tiếp của chính sách: 6 nhân tố. Bảng hỏi dành cho sinh viên đang học tập tại các trường sư phạm (khóa tuyển sinh năm 2021) bao gồm 60 câu hỏi ở 2 phần: Tác nhân dẫn đến chính sách: 6 nhân tố; Tác động trực tiếp của chính sách: 8 nhân tố.

4.1.3. Nghiên cứu thử nghiệm

Tác giả tiến hành thực hiện nghiên cứu thử nghiệm được bằng phiếu hỏi online. Sau 10 ngày, tác giả nhận được phản hồi của 118 cựu sinh viên, 51 giảng viên, CBQL, CGGD và 200 sinh viên. Qua phỏng vấn, đối tượng nghiên cứu đánh giá bảng hỏi phù hợp về thời gian và nội dung, không có trở ngại gì khi trả lời phiếu khảo sát. tác giả tiến hành thực hiện Đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach's alpha) cho giai đoạn thử nghiệm bảng hỏi để loại các biến rác trước khi khảo sát diện rộng

Đối với nhóm cựu sinh viên, ở lần chạy thứ 3, 28/28 nhân tố đều đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's alpha. Trong đó có 8 biến quan sát bị loại bỏ do không đủ độ tin cậy gồm có các biến: SPT1_4, SPT2_7, HT1_1, HT2_2,, HT3_3, HT5_2, HT5_1, CL1_1, CL3_4. Đối với nhóm giảng viên, cán bộ quản lý, chuyên gia giáo dục, ở lần chạy thứ 2, 25/25 nhân tố đều đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's

alpha. Trong đó có 5 biến quan sát bị loại bỏ do không đủ độ tin cậy gồm có các biến: SPT1_4, SPT2_7, HT2_2, CL1_1, CL3_4. Đối với nhóm sinh viên, Ở lần chạy dữ liệu thứ 3, 13/13 nhân tố đều đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's alpha. Trong đó có 7 biến quan sát bị loại bỏ do không đủ độ tin cậy gồm có các biến: SV2_5, TS2_3, TS2_4, HT1_1, HT5_2, HT5_1.

4.1.4. Mẫu nghiên cứu & thu thập dữ liệu

Nghiên cứu tác động của chính sách tài chính đến đào tạo cử nhân sư phạm có phạm vi nghiên cứu rộng và có tính lịch sử. Tác giả lựa chọn kết hợp giữa phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống phân tầng.

Việc phát phiếu hỏi được thực hiện bằng hình thức online (link Microsoft form) từ ngày 15/8/2022 đến ngày 22 tháng 9 năm 2022. Đối với nhóm cựu sinh viên, Kết quả tác giả thu về 472 phản hồi từ phía cựu sinh viên các trường sư phạm. Tuy nhiên, sau khi sàng lọc, tác giả đã loại 102 phiếu trả lời do: cựu sinh viên đó học và tốt nghiệp các trường sư phạm trước năm 1998, cựu sinh viên không học các trường sư phạm nhưng vẫn đang tham gia giảng dạy ở các trường phổ thông. Kết quả có 350 phiếu, đảm bảo tính đại diện và cỡ mẫu nghiên cứu. Đối với nhóm giảng viên, cán bộ quản lý và chuyên gia giáo dục, Kết quả, thu được 325 mẫu phiếu phản hồi từ giảng viên, cán bộ quản lý/chuyên gia giáo dục và nhóm đối tượng khác (*bao gồm chuyên viên các phòng CTHSSV và phòng Đào tạo*) tại các trường sư phạm. Các phiếu đều hợp lệ, đảm bảo tính đại diện và cỡ mẫu nghiên cứu. Đối với nhóm sinh viên, thu được 1280 phiếu hỏi. Các phiếu trả lời đều đảm bảo tính đại diện và cỡ mẫu nghiên cứu lớn.

4.1.5 Phân tích dữ liệu định lượng

Vì đã tiến hành phân tích Cronbach Alpha cho các nhóm ở giai đoạn thử nghiệm, tiếp theo, tác giả tiến hành các bước: Phân tích độ phù hợp thông qua nhân tố khám phá (EFA); phân tích nhân tố khẳng định (CFA); Phân tích mô hình cấu trúc (SEM). Tác giả sử dụng phần mềm SPSS 27 và Amos 24 để phân tích dữ liệu định lượng.

4.2. Phân tích dữ liệu tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Phân tích độ phù hợp thông qua nhân tố khám phá (EFA); phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Tác giả sử dụng phần mềm SPSS 27 và Amos 24 để phân tích dữ liệu định lượng. Sau khi loại bỏ các biến quan sát, các nhân tố không đáp ứng các điều kiện, mô hình đánh giá tác động của chính sách học phí miễn học phí đối với nhóm cựu sinh viên gồm 84 biến quan sát, đối với nhóm GV, CBQL, CGGD gồm 74 biến quan sát và mô hình đánh giá tác động của

chính sách hỗ trợ học phí & sinh hoạt phí của nhóm sinh viên gồm 32 biến quan sát đáp ứng các điều kiện kiểm định thang đo bao gồm: độ phù hợp tổng thể của dữ liệu, độ tin cậy và giá trị hội tụ, tính phân biệt.

Tác giả tiến hành phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) để phân tích mối quan hệ đa chiều giữa nhiều biến trong mô hình. Kết quả phân tích SEM cũng chỉ ra mức độ các tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm, là cơ sở để phân tích ở Chương 5.

CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM VÀ KHUYẾN NGHỊ

Về cơ bản, các tác động của chính sách học phí (cả trực tiếp và gián tiếp) đều là các tác động tích cực (dương tính). Tuy nhiên, mức độ tác động là khác nhau. Kết quả phân tích cũng phủ nhận một số giả thuyết về tác động mà kết quả phỏng vấn sâu đã đưa ra.

5.1. Tác động của chính sách miễn học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Mã	Nội dung tác động	Vị trí trong quá trình đào tạo (theo mô hình CIPO)	Mức tác động	
			<i>Đánh giá của nhóm CSV</i>	<i>Đánh giá của nhóm GV, CGGD, CBQL</i>
SPT1	Tính cạnh tranh của các trường sư phạm	Đầu vào	0,847	0,812
SPT2	Chất lượng đào tạo của các trường sư phạm	Quá trình	0,820	0,811
HT5	Ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề của sinh viên sư phạm	Quá trình	0,835	0,698
VT1	Vai trò của người thầy trong hệ thống giáo dục	Môi trường	0,785	0,429
VT2	Sự tôn trọng của xã hội đối với người thầy	Môi trường	0,720	0,661
CL2	Chất lượng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu của Nhà trường và hệ thống giáo dục	Đầu ra	0,835	0,402
CH3	Sự gắn bó với nghề của sinh viên sư phạm	Đầu ra	0,701	---
CL3	Sự cân đối giữa các ngành học sư phạm	Đầu ra	0,442	0,750
HT4	Việc học tập nâng cao (<i>học thêm</i>) và phát triển bản thân của sinh viên sư phạm	Quá trình	0,682	---
CL1	Số lượng giáo viên theo yêu cầu tuyển dụng	Đầu ra	0,600	0,173
HT1	Học sinh có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội học bậc đại học	Đầu vào	0,597	---
CH1	Vị trí/cơ hội việc làm	Đầu ra	0,495	0,546
CH2	Thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp	Đầu ra	0,385	---
SPT3	Chỉ tiêu hằng năm cho các trường sư phạm	Đầu vào	---	0,352
TS1	Số lượng học sinh đăng ký dự thi ngành học sư phạm	Đầu vào	0,279	0,245
TS3	Các ngành sư phạm đảm bảo việc lựa chọn học sinh giỏi tham gia học tập	Đầu vào	0,232	0,269
TS2b	Động cơ bên ngoài của học sinh khi lựa chọn ngành học	Đầu vào	---	0,264
SPT4	Hoạt động tài chính trong các trường sư phạm	Quá trình	---	0,194
HT3	Giảm bớt gánh nặng chi phí học tập cho sinh viên	Quá trình	0,132	---
TS2	Ngành sư phạm là lựa chọn ưu tiên của học sinh khi xét tuyển vào đại học	Đầu vào	0,118	---
HT2	Thu hút sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	Đầu vào	Bị loại khỏi mô hình	

Tác động chính sách miễn học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm được trình bày ở các nội dung:

- *Tác động tới sự phát triển của các trường sư phạm trong đó:* Tác động ở mức cao ($> 0,80$) tới (SPT1) Tính cạnh tranh của các trường sư phạm; (SPT2) Chất lượng đào tạo của các trường sư phạm; và tác động ở mức thấp (dưới $0,40$) tới (SPT3) Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho các trường sư phạm và (SPT4) Hoạt động tài chính trong các trường sư phạm. Một thực tế cũng cho thấy những năm gần đây, nguồn thu, chỉ tiêu tuyển sinh của các trường sư phạm không còn phụ thuộc vào ngân sách cấp bù hay chỉ tiêu nhà nước giao cho các trường sư phạm. Nguồn thu còn đến từ các nguồn hợp pháp khác như: học phí của các ngành học ngoài sư phạm, nghiên cứu khoa học, dịch vụ, v.v... Nếu xu hướng này tiếp tục phát triển, thì trong một vài năm tới, việc cấp bù ngân sách, hay nói cách khác là chính sách miễn (hỗ trợ) học phí cho sinh viên sư phạm sẽ không còn tác động nhiều đến sự phát triển của các trường sư phạm. Bên cạnh đó, với xu hướng tự chủ đối với giáo dục đại học như hiện nay, việc cần có cơ chế mở, linh hoạt sẽ phù hợp hơn với các trường sư phạm thay vì trông chờ vào sự “bao cấp” của Nhà nước.

- *Tác động tới chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm*

Đây là một nghiên cứu cắt ngang, nên có thể dễ hiểu khi tại thời điểm khảo sát, mức tác động của chính sách miễn học phí đến chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm bao gồm: (TS1) Số lượng học sinh đăng ký dự thi/học ngành sư phạm, (TS2) Sư phạm là lựa chọn ưu tiên của học sinh khi thi/xét tuyển vào đại học, (TS3) Tuyển sinh đầu vào các ngành sư phạm lựa chọn được học sinh giỏi đều ở mức rất thấp (dưới $0,30$). Điều này mặc dù trái ngược với nhận định thu được trong phỏng vấn sâu về tác động tới tuyển sinh vào thời gian đầu thực thi là rất mạnh, nhưng kết quả cũng cho thấy rằng: chính sách miễn học phí không còn “hấp dẫn” đối với học sinh, sinh viên tham gia ngành học sư phạm nữa.

- *Tác động đến việc học tập của sinh viên sư phạm:* Nhóm cựu sinh viên đánh giá tác động của chính sách miễn học phí đến việc học tập của sinh viên được thể hiện mạnh nhất ở yếu tố: (HT5) *Ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề của sinh viên sư phạm* – mức $0,835$. Chính sách cũng có tác động tới (HT4) *Việc học tập nâng cao và phát triển bản thân của sinh viên sư phạm* - mức tác động là $0,682$. Ngoài ra, chính sách còn tác động tới (HT1) *Cơ hội học bậc đại học của học sinh có hoàn cảnh khó khăn* với mức tác động trung bình là $0,597$. Đối với yếu tố (HT3) *Giảm bớt gánh nặng chi phí học tập cho sinh viên* thì chính sách không có tác động nhiều, chỉ ở mức $0,132$. Dữ liệu cũng đã bác bỏ giả thuyết chính sách đã *Thu hút sinh viên có hoàn cảnh khó khăn* (HT2).

- *Tác động đến vị thế của người Thầy:* Tác động của chính sách tới vị thế của người Thầy là một tác động gián tiếp. Vị thế của người thầy ở đây được mô tả là (VT1) Vai trò của người thầy trong hệ thống giáo dục và (VT2) Sự tôn trọng của xã hội đối với người thầy. Nhóm cựu viên với 94% là giáo viên phổ thông đánh giá cao tác động của chính sách học phí tới vị thế của người thầy, lần lượt là 0,785 và 0,720, trong khi nhóm GV, CBQL & CGGD đánh giá tác động ở mức 0,429 và 0,661. Chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm cũng đã góp thêm một tiếng nói để thể hiện sự quan tâm, ưu đãi của Nhà nước đối với ngành nghề đặc thù. Điều này cũng góp phần xây dựng uy tín và sự tôn trọng của xã hội đối với Người Thầy.
- *Tác động đến chất lượng đội ngũ giáo viên của ngành giáo dục:* Đây là tác động gián tiếp, nhưng lại là mục tiêu chính của chính sách khi được ban hành. Theo đánh giá của các nhóm, mức tác động của chính sách đến chất lượng đội ngũ giáo viên ở các nội dung khác nhau là khác nhau, và chênh lệch rõ nét ở cả hai nhóm. Từ góc nhìn của các chuyên gia, các giảng viên và cán bộ quản lý của trường sư phạm thì chính sách miễn học phí tác động rất ít đến việc đảm bảo số lượng giáo viên theo yêu cầu tuyển dụng. Một thực tế cho thấy rằng có rất nhiều ngành học hiện nay dư thừa giáo viên, và có những ngành lại thiếu giáo viên, tình trạng thừa/thiếu giáo viên ở các ngành khác nhau vẫn tồn tại rất rõ rệt.
- *Tác động của chính sách đến việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp:* là tác động gián tiếp. Tác động mạnh nhất của chính sách tới việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp là (CH3) Sự gắn bó với nghề của sinh viên sau khi tốt nghiệp với mức tác động là 0,701. Có thể thấy, tác động trực tiếp của chính sách đối với ý thức nghề nghiệp và tình yêu nghề của sinh viên là khá cao, dẫn đến việc chính sách tác động gián tiếp ở mức độ cao tới sự gắn bó của sinh viên sau tốt nghiệp với nghề giáo viên. Các tác động khác đến vị trí việc làm hay thu nhập của sinh viên đều ở mức thấp dưới trung bình.

5.2. Tác động của Nghị định 116 đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả phân tích tác động của Nghị định 116 tới quá trình đào tạo ở 2 khía cạnh: *Chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm và Việc học tập của sinh viên sư phạm.*

Mã	Nội dung tác động	Vị trí trong quá trình đào tạo (theo mô hình CIPO)	Mức độ tác động (nhóm sinh viên)
HT4	Việc học tập nâng cao (<i>học thêm</i>) và phát triển bản thân của sinh viên sư phạm	Quá trình	0,882
TS3	Các ngành sư phạm đảm bảo việc lựa chọn học sinh giỏi tham gia học tập	Đầu vào	0,825
HT5	Ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề của sinh viên sư phạm	Quá trình	0,824
TS2	Ngành sư phạm là lựa chọn ưu tiên của học sinh khi xét tuyển vào đại học	Đầu vào	0,805
TS1	Số lượng học sinh đăng ký dự thi ngành học sư phạm	Đầu vào	0,756
HT1	Học sinh có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội học bậc đại học	Đầu vào	0,713
HT3	Giảm bớt gánh nặng chi phí học tập cho sinh viên	Quá trình	0,317
HT2	Thu hút sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	Đầu vào	Bị loại khỏi mô hình

- *Tác động đến chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm:* mức tác động mà nhóm sinh viên - những người đang thụ hưởng Nghị định 116 đánh giá các yếu tố tác động tới chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm ở mức khá cao (khoảng từ 0,756 – 0,825). Tuy nhiên, mặc dù mức tác động khá cao, nhưng giá trị trung bình của các biến quan sát cũng chỉ dao động trong khoảng từ 3-4 (theo thang Likert 5). Bên cạnh đó, giá trị R^2 của 3 biến TS1, TS2, TS3 cũng chỉ lần lượt là 0,572, 0,684, 0,680. Tức là vẫn còn khoảng 32-40% sự biến thiên của các biến này nằm ở các yếu tố tiềm ẩn ngoài mô hình. Thực tế công tác tuyển sinh cho thấy, những năm gần đây, điểm tuyển sinh và số lượng thí sinh đăng ký vào các trường sư phạm tăng một cách đáng kể. Điểm chuẩn tăng là không chỉ là xu hướng của các trường sư phạm mà còn của nhiều ngành học khác. Tuy nhiên, ngoài chính sách học phí ra, còn nhiều chính sách ưu tiên khác cho ngành giáo dục. Nên đây cũng có thể tạo ra tác động tích cực đến chất lượng tuyển sinh các trường sư phạm.

- *Tác động đến việc học tập của sinh viên sư phạm:* Mức độ tác động của chính sách đến cơ hội học tập đại học của học sinh khó khăn (HT3) là 0,713. Nghị định 116 cung cấp nguồn kinh phí quan trọng cho việc học tập của sinh viên bằng việc hỗ trợ thêm sinh hoạt phí. Mức độ tác động của chính sách đến việc học tập nâng cao và phát triển bản thân (HT4) của sinh viên sư phạm là cao (0,882), vì trong bối cảnh hiện nay, sinh viên cần học tập nhiều hơn để có cơ hội việc làm và thu nhập tốt. Chính sách cũng ảnh hưởng tích cực đến ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề của sinh viên sư phạm (HT5) là 0,824, khi sinh viên nhận thức ưu đãi và có ý

thức trách nhiệm. Tuy nhiên, chính sách có tác động thấp đối với việc *giảm bớt gánh nặng chi phí học tập (HT3)*, chỉ là 0,317, và giả thuyết chính sách thu hút sinh viên khó khăn bị bác bỏ.

5.3. Kết luận và khuyến nghị

Đóng góp và hạn chế của luận án

Về lý luận, luận án là rõ thêm nội hàm các khái niệm cơ bản liên quan đến chính sách tài chính trong đào tạo cử nhân sư phạm, xây dựng khung phân tích, đánh giá tác động của chính sách. Những nội dung lý luận này được làm rõ trong bối cảnh đặc thù của hoạt động đào tạo cử nhân sư phạm trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Đặc biệt, đề xuất được khung đánh giá tác động của chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm, làm tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo để xây dựng, thực thi chính sách miễn/hỗ trợ học phí cho sinh viên.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu đã hệ thống hoá các chính sách tài chính có tác động tới đào tạo cử nhân sư phạm; xác định được các tác động, đo lường mức độ tác động của chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm. Luận án là một trong những số ít nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính (phần mềm NVIVO) để xác định các tác động và áp dụng hướng xử lý số liệu theo phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính/mô hình mạng (Structural Equation Model – SEM) để đo lường mức độ tác động. Đây là hướng phân tích khoa học, hiệu quả và mới mẻ, có thể là kênh tham khảo cho những nghiên cứu tiếp theo.

Do quy mô và thời gian hạn chế của một luận án tiến sĩ nên nghiên cứu này vẫn còn một số điểm hạn chế. Thứ nhất, do tính lịch sử của chính sách, nên các nghiên cứu đánh giá mới chỉ dừng ở việc “cắt ngang” chứ chưa đánh giá được theo chiều dài lịch sử. Thứ hai, số lượng các trường sư phạm trong cả nước là rất lớn, số lượng sinh viên không cân đối và có nhiều yếu tố khác nhau, nên luận án chưa so sánh được mức độ tác động ở mỗi khu vực. Thứ ba, do hạn chế về nguồn lực, nên có những tác động chưa được xem xét sâu sắc và kĩ càng.

Khuyến nghị

- **Hệ thống đào tạo sư phạm không thể nằm ngoài sự phát triển chung của hệ thống giáo dục đại học**

Có thể thấy, Chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm có tác động mạnh nhất vào *Tính cạnh tranh* của các trường sư phạm. Nó bao gồm sự cạnh tranh giữa các trường sư phạm với nhau và đặc biệt là các trường sư phạm với các trường đào tạo ở các lĩnh vực khác. Tại thời điểm đó, hệ thống giáo dục cần một lực lượng lớn giáo viên để thực hiện các mục tiêu: xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, v.v... Đây là điều tốt, phù hợp để duy trì tính ổn định, đảm bảo số lượng người học của các trường sư phạm.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mở cửa thị trường dịch vụ giáo dục, và việc thúc đẩy tự chủ giáo dục đại học mạnh mẽ như hiện nay thì các trường sư phạm không thể nằm ngoài sự vận hành của hệ thống này. Các trường đại học công lập đang dần được trao quyền tự chủ bao gồm việc: tự chủ tài sản, tài chính, bộ máy, nhân sự, học thuật, đào tạo. Mặc dù các chính sách hỗ trợ học phí có thể giúp tăng “*Tính cạnh tranh*” của các trường sư phạm, đảm bảo tính ổn định, nhưng nó không còn phù hợp với bối cảnh chung. Điều này được thể hiện ở việc: Tác động của chính sách tới “*Chỉ tiêu tuyển sinh của các trường sư phạm hằng năm*” và “*Hoạt động tài chính của các trường*” đều rất yếu. Hệ thống đào tạo sư phạm cũng phải hoà chung với nhịp chảy của xu thế chung. Tư tưởng “*bao cấp*” không còn phù hợp để thúc đẩy sự phát triển hệ thống đào tạo sư phạm.

Vì thế, mặc dù Nghị định 116 đã được ban hành, tuy nhiên, hiện nay, cần có cơ chế, cách thức phân bổ ngân sách cho các trường sư phạm phù hợp – đặc biệt đối với cơ chế đặt hàng đào tạo, đảm bảo việc: không cản trở hoạt động tự chủ ở các trường sư phạm.

- **Duy trì chính sách học phí để nâng cao ý thức nghề nghiệp, lòng yêu nghề và vai trò của người thầy trong hệ thống giáo dục**

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, chính sách học phí (*bao gồm cả miễn học phí và ND 116*) có tác động mạnh tới ý thức nghề nghiệp, lòng yêu nghề của sinh viên. Có ý kiến cho rằng: việc bỏ tiền ra đầu tư thì ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực sẽ cao hơn việc được dùng miễn phí (HT5_1) và ý thức trách nhiệm trong việc học tập của sinh viên sư phạm bị suy giảm vì được miễn học phí/hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí (HT5_2). Tuy nhiên, cả hai biến này đều bị loại bỏ khỏi các mô hình đã đề xuất, đồng nghĩa với việc giả thuyết trên bị bác bỏ. Bên cạnh đó, nhận thức, sự tự hào và ý thức trách nhiệm của sinh viên sư phạm về một chế độ ưu tiên đặc biệt của Nhà nước đều thể hiện mức tác động rất cao. Chính sách không chỉ tác động trực tiếp tới nhận thức, sự tự hào và tinh thần trách nhiệm của sinh viên mà còn tác động gián tiếp một cách mạnh mẽ tới vai trò của người thầy trong hệ thống giáo dục và sự tôn trọng của xã hội đối với người thầy.

Trong bối cảnh đời sống của người dân ngày một nâng cao, việc chi trả cho việc học đại học của sinh viên bây giờ không còn là gánh nặng với các gia đình. Tuy nhiên, chính sách học phí dành riêng cho ngành học sư phạm cũng nên cần có để tiếp tục nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề, sự tự hào với nghề của sinh viên sư phạm, đồng thời cũng tiếp tục khẳng định vị thế của người thầy đối với xã hội.

- **Cần nghiên cứu và đánh giá thêm về việc chính sách học phí có tác động lâu dài tới chất lượng tuyển sinh của các trường sư phạm và chất lượng đội ngũ giáo viên hay không?**

Chất lượng tuyển sinh ở đây mà tác giả nhắc tới bao gồm cả số lượng và chất lượng người học vào học ngành sư phạm. Mặc dù nghiên cứu chỉ ra rằng: tác động của chính sách hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí (NĐ116) tới chất lượng tuyển sinh của các trường sư phạm ở mức rất cao (*bảng 4.49*). Tuy nhiên, khi soi chiếu lại tác động của chính sách miễn học phí (*tiền thân của NĐ116*) thì việc thu hút đông học sinh, học sinh giỏi vào học ngành sư phạm chỉ diễn ra trong khoảng 10 năm đầu tiên triển khai chính sách (dữ liệu phỏng vấn sâu). Sau đó, chính sách đã thoái trào và cho đến nay, mức tác động của chính sách miễn học phí chỉ được đánh giá ở mức thấp (*từ 0,118 đến 0,279*). Bên cạnh đó, dữ liệu nghiên cứu cũng cho thấy rằng, ở nhóm cựu sinh viên, biến “*Đa số học sinh học ngành sư phạm có tình yêu nghề từ khi mới vào trường*” và biến “*Đa số học sinh học ngành sư phạm có kỹ năng phù hợp với nghề*” bị loại khỏi mô hình, trong khi đó ở nhóm sinh viên thì 2 biến này nhận được sự đồng thuận ở mức lần lượt là 3,59 và 3,46. Điều này có thể chỉ ra, ngày nay, các bạn trẻ có thể được lựa chọn nghề dựa trên sự yêu thích và năng lực của bản thân. Chính vì vậy, liệu việc hỗ trợ học phí có thật sự tác động tới lựa chọn nghề nghiệp của các bạn sinh viên sư phạm hay không, hay chỉ là thêm phần khích lệ, động viên đối với những bạn đã yêu thích và có khả năng phù hợp với ngành sư phạm?

Bên cạnh đó, Nghị định 116 mới được triển khai từ năm 2021 cho đến nay. Có một số nội dung trong Nghị định vẫn còn lúng túng trong khâu triển khai như: cơ chế đấu thầu, cơ chế chi trả kinh phí cho các đơn vị đào tạo, cơ chế thu hồi v.v....Nghị định về tác động của sinh viên mới chỉ là nhận thức của các em về chính sách và những trải nghiệm bước đầu, các em cũng chưa được thụ hưởng chính sách một cách trọn vẹn. Theo đánh giá của sinh viên thụ hưởng chính sách này thì có một số điểm cần được cân nhắc:

+ Ngành học sư phạm vẫn không phải là ngành “hot” đối với học sinh (*biến TS2_2 bị loại khỏi mô hình*) và ngành học sư phạm cũng không phải nguyện vọng đầu tiên của đa số học sinh khi xét tuyển vào đại học (*biến TS2_1 bị loại khỏi mô hình*).

+ Bên cạnh đó, các biến TS3_1, biến TS3_2 và TS3_4 bị loại khỏi mô hình thể hiện: Điểm đầu vào các ngành sư phạm chưa được đánh giá nằm trong nhóm điểm cao trong khối các trường đại học và Không phải chỉ có học sinh giỏi mới có khả năng đỗ vào các trường sư phạm.

Dựa vào kết quả nghiên cứu đã trình bày, tác giả cho rằng: vào những năm 1990s, chính sách miễn học phí nhằm thu hút người học sư phạm để cung cấp một lực lượng lớn giáo viên

để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của ngành giáo dục. Việc thu hút học sinh giỏi, điểm chuẩn thi tuyển vào các trường sư phạm cao là tác động ngoại biên của chính sách miễn học phí. Điều này dẫn đến làm tương: miễn học phí thì sẽ thu hút học sinh giỏi. Điều này có thể chỉ có tác động trong giai đoạn đầu triển khai chính sách.

Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí chưa có tác động lâu dài, nên đối với kỳ vọng chính sách có ảnh hưởng tốt tới chất lượng đội ngũ giáo viên trong hệ thống giáo dục thì có thể xem xét kết quả tác động của chính sách miễn học phí làm bài học.

Nhóm cựu sinh viên là những giáo viên phổ thông đánh giá tác động của chính sách tới chất lượng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu của Nhà trường và hệ thống giáo dục ở mức cao 0,835; Số lượng giáo viên theo yêu cầu tuyển dụng ở mức 0,600. Phải khẳng định rằng, từ một nước nông nghiệp lạc hậu có đến 9% dân số mù chữ vào năm 1996 (Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VIII) – tháng 12 năm 1996), cho đến nay, chính sách miễn học phí đã đóng góp cho hệ thống giáo dục một lực lượng giáo viên đông đảo, thực hiện tốt các mục tiêu: xóa nạn mù chữ, hoàn thành phổ cập các bậc học. Tuy nhiên, chính sách miễn học phí không có tác động nhiều tới vị trí/cơ hội việc làm và thu nhập của sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp. Trong khi chúng ta kỳ vọng sinh viên tốt nghiệp có thể cống hiến cho ngành giáo dục và sinh viên kỳ vọng có mức lương tốt, thì cả hai điều này đều chưa được đáp ứng.

Trong bối cảnh mới, khi Luật giáo dục 2018 ra đời, yêu cầu mới của hệ thống giáo dục là đào tạo đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tại Việt Nam. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng đòi hỏi đội ngũ giáo viên cần nhiều năng lực, phẩm chất hơn. Điều này đòi hỏi các trường đào tạo sư phạm cần nâng cao chất lượng đào tạo hơn nữa, nhằm đáp ứng các yêu cầu mới. Đối với yêu cầu ngày càng cao đối với đội ngũ giáo viên, việc “thu hút đông” học sinh/sinh viên tham gia học ngành sư phạm có lẽ không còn phù hợp.

Vì vậy, theo tác giả, cần thêm thời gian nghiên cứu (theo từng năm) để đánh giá chính xác hơn về tác động của Nghị định 116 tới chất lượng tuyển sinh sư phạm để xem chính sách có thật sự nâng cao chất lượng tuyển sinh của các trường sư phạm hay không, và có tác động gián tiếp đến chất lượng đội ngũ giáo viên trong bối cảnh hiện nay hay không?

- Cần nhìn nhận lại một số quan điểm về chính sách học phí đối với đào tạo cử nhân sư phạm

Có những quan điểm khác nhau đã xuất hiện trong quá trình thực thi chính sách học phí đối với sinh viên sư phạm mà tác giả thu được từ phỏng vấn sâu. Tuy nhiên, khi kiểm định thang đo bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, có nhiều giả thuyết/quan điểm bị loại bỏ ra khỏi mô hình. Cụ thể:

- + Chính sách học phí (*miễn học phí/hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí*) thu hút sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Nhân tố HT2 đã bị loại bỏ khỏi tất cả các mô hình khi chạy dữ liệu;
- + Ý thức trách nhiệm trong việc học tập của sinh viên sư phạm bị suy giảm vì được miễn học phí/hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí (*biến quan sát HT5_2 bị loại bỏ*);
- + Bỏ tiền ra đầu tư thì ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực sẽ cao hơn việc được dùng miễn phí (*biến quan sát HT5_1 bị loại bỏ*);
- + Sinh viên sư phạm sẽ gặp khó khăn về tài chính nếu phải đóng học phí (*biến quan sát HT3_3 bị loại bỏ*);
- + Khả năng chịu đựng áp lực về tài chính của sinh viên sư phạm kém hơn sinh viên các ngành khác (*biến HT3_5 bị loại bỏ*);
- + Nhiều học sinh sẽ mất cơ hội học đại học nếu không có chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí (*biến quan sát HT1_1 bị loại bỏ*);
- + Để trở thành giáo viên giỏi, sinh viên sư phạm chỉ cần hoàn thành nhiệm vụ học tập trong Nhà trường (*biến quan sát HT4_1 bị loại bỏ*);
- + Giáo viên hiện nay có sự tự hào về nghề nghiệp của mình (*biến quan sát: CH3_4 bị loại bỏ*);
- + Số lượng giáo viên được đào tạo hằng năm phù hợp với yêu cầu tuyển dụng của các đơn vị (*biến CL1_1 bị loại bỏ*);
- + Không còn nhiều người nhắc đến câu nói: “Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm” nữa (*biến VT2_1 bị loại bỏ*);

Những quan điểm trên bị loại bỏ khỏi mô hình vì chưa đảm bảo độ tin cậy hoặc sự không phù hợp với mô hình đã đề xuất. Chính vì vậy, tác động của chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm không thể sử dụng các biến quan sát, các nhân tố đã nêu trên để làm thang đo đánh giá, cũng như không thể nhìn nhận những yếu tố trên là mô tả tác động chính sách học phí đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm.

- Cần xây dựng các chính sách đối với đào tạo cử nhân sư phạm nói riêng và các chính sách trong hệ thống giáo dục nói chung đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học

Chính sách vận hành và tác động vào xã hội theo quy luật của hệ thống, trong đó có một chủ thể chính sách, đối tượng chính sách, sự tác động của chủ thể dẫn đến phản ứng xã hội trước chính sách và tương tác giữa các chính sách với các “nhiều” từ phía môi trường và xã hội. Vì vậy, trên quan điểm hệ thống, các chính sách của một quốc gia phải đồng thuận, không được triệt tiêu nhau. Chính sách học phí là một trong những chính sách đối với quá trình quản

lý đào tạo cử nhân sư phạm. Tuy nhiên, ngoài chính sách học phí, sinh viên sư phạm còn được thụ hưởng các chính sách khác liên quan đến việc hỗ trợ chi phí học tập như: học bổng, vay vốn, trợ cấp xã hội, v.v... Vì vậy, cần nghiên cứu xây dựng hệ thống chính sách và tránh sự chồng chéo giữa các chiến lược, chính sách phát triển giữa các chính sách trong cùng lĩnh vực hoặc giữa các chính sách chung và các chính sách cho cùng một lĩnh vực cụ thể.

Ngoài ra, việc xây dựng chính sách đối với đào tạo cử nhân sư phạm cũng cần phải quan tâm đến những mong muốn của đối tượng thụ hưởng chính sách để xác định mục tiêu chính sách, phương tiện tác động để chính sách được thực thi một cách hiệu quả.

Việc đánh giá chính sách cần phải được xem như một lĩnh vực khoa học, tránh đơn giản, phiến diện. Khi nghiên cứu về đánh giá tác động của chính sách học phí trong quản lý đào tạo cử nhân sư phạm, một thực tế đã chỉ ra rằng chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá chính sách trước, trong và sau khi ban hành. Dữ liệu để đánh giá tác động còn rất thiếu và không đáp ứng để đánh giá chính sách một cách bài bản, khoa học. Đôi khi, có những đánh giá chỉ mang tính chất hành chính, tổng kết, báo cáo, chưa thật sự quan tâm đầy đủ đến sự phản hồi từ xã hội, từ những đối tượng thụ hưởng của chính sách.

Vì vậy, để chính sách thật sự có hiệu quả và người hoạch định chính sách có thể có những điều chỉnh kịp thời thì cần coi việc xây dựng, thực thi và đánh giá chính sách cần đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Tạp chí

[1] Thanh Thao Thi Phan, Cam Tu Vu, Phuong Thuc Thi Doan, Dinh Hai Luong, Thu Phuong Bui, Thanh Huyen Le, Duc Huy Nguyen (2022), Two decades of studies on learning management system in higher education: A bibliometric analysis with Scopus database 2000 – 2020, *Journal of University Teaching & Learning Practice*, Volume 19, Issue 3 Quarterly Issue 2, ISSN 14499789, Q2 (2022).

[2] Lê Thanh Huyền (2017), Lý thuyết hệ thống và ứng dụng tư duy hệ thống trong đổi mới quản lý giáo dục, *Tạp chí Giáo dục (Số 402)*, ISSN 2354-0753

Hội thảo quốc tế

[3] Lê Thanh Huyền, Trịnh Văn Minh (2022), Model for analysis of the impact of financial policy for pedagogy bachelor training, *Proceedings of 2nd Hanoi forum on Pedagogical and Educational sciences*, Vietnam National University Press, Hanoi, ISBN: 978-604-384-936-3

[4] Đặng Quốc Bảo, Lê Thanh Huyền (2018), Quan điểm và giải pháp phát triển người thầy/đội ngũ người thầy trong hoàn cảnh mới (Viewpoints and solutions developing the teacher/the teacher team in new situation), *Hội thảo Khoa học quốc tế: Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý trong bối cảnh hiện nay: Xu hướng Việt Nam và thế giới*, ISBN: 978-604-946-493-5

Sách

[5] Trần Khánh Đức, Dương Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thu Hằng, Nguyễn Đức Huy, Lê Thanh Huyền (2019), Quản lý đào tạo và quản trị nhà trường hiện đại, *Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội*, ISBN: 978-604-9857-01-0

[6] Nguyễn Thị Hương, Lê Thanh Huyền, Nguyễn Thị Huệ (2019), Đổi mới quản trị trường phổ thông, *Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội*.